

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Công Gia**.
2. Bà **Trần Thị Yến Nhi**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Minh C - sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ E, ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Khánh V – sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà C vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Phan Thị Minh C trình bày:

- Về hôn nhân: Bà C và ông Nguyễn Khánh V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo luật định do có nhiều việc bận nên không có thời gian để đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống như vợ chồng, ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng nên hay

xảy ra cãi nhau và ly thân từ năm 2018 đến nay. Bà C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Khánh V.

- Về nuôi con: Ông V, bà C có 02 con chung là Nguyễn Khánh V1 - sinh ngày 08/4/2000 và Nguyễn Khánh D - sinh ngày 30/7/2011. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi cháu D và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Cháu V1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản: Ông V, bà C không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Khánh V: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của ông V.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân bà Phan Thị Minh C và ông Nguyễn Khánh V là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Khánh D - sinh ngày 30/7/2011 cho bà C nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu. Cháu Nguyễn Khánh V1 - sinh ngày 08/4/2000 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có phát sinh tranh chấp.

- Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Khánh V có nơi cư trú, sinh sống tại xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà C yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Khánh V, tranh chấp nuôi con chung là Nguyễn Khánh D - sinh ngày 30/7/2011 nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Bà Phan Thị Minh C là nguyên đơn; ông Nguyễn Khánh V là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự; ông V vắng mặt mà không có lý do chính đáng; bà C có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án:

[5.1] Về hôn nhân: Bà C, ông V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật.

Bà C trình bày ông bà có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, đã không còn tình cảm và không quan tâm, chăm sóc nhau ly thân từ năm 2018 đến nay. Bản thân ông V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến bà C. Ông bà đủ điều kiện kết hôn nhưng lại chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào khoản 1, Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016, Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông V là vợ chồng.

[6] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà C và ông V có 02 con chung là Nguyễn Khánh V1 - sinh ngày 08/4/2000 và Nguyễn Khánh D - sinh ngày 30/7/2011. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Khánh D và không yêu cầu ông V cấp dưỡng. Xét thấy, từ sau khi xảy ra mâu thuẫn, con chung do bà C trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân bà có trách nhiệm chăm sóc và có nghề nghiệp thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng con chung, đồng thời cháu Nguyễn Khánh D trên 07 tuổi có nguyện vọng mong muốn được ở với bà C. Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung cho bà C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù

hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Để đảm bảo quyền lợi, nguyện vọng của con chung chưa thành niên và nguyện vọng của bà C về việc nuôi con, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Khánh D cho bà Phan Thị Minh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không có yêu cầu. Ông V có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Phan Thị Minh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 235, 238, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm b Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Minh C và ông Nguyễn Khánh V là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh D – sinh ngày 30/7/2011 cho bà Phan Thị Minh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Khánh V1 – sinh ngày 08/4/2000 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. Ông V có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

- Về án phí: Bà Phan Thị Minh C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai số 0000116 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú. Bà C đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Minh C và ông Nguyễn Khánh V vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Lập, xã Tà Lài để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn